



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 7/2025

I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Nghị định 181/2025/NĐ-CP (NĐ 181) ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng và Thông tư số 69/2025/TT-BTC (TT 69) ngày 01/07/2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng và hướng dẫn thực hiện NĐ 181

Theo đó, một số nội dung đáng chú ý như sau:

1.1. Mua hàng hoá dịch vụ từ 5 triệu đồng phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt

- Để đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT thì phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ 05 triệu đồng trở lên đã bao gồm thuế GTGT (Điều 26 NĐ 181);
- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được ủy quyền cho cá nhân là người lao động của cơ sở kinh doanh thanh toán không dùng tiền mặt theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của cơ sở kinh doanh, sau đó cơ sở kinh doanh thanh toán lại cho người lao động bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào (Điều 26 NĐ 181).

1.2. Đối tượng không chịu thuế

Bổ sung các hướng dẫn mới về đối tượng không chịu thuế GTGT:

- Bổ sung thêm các phương pháp sơ chế: Xay vỡ mảnh, nghiền vỡ mảnh, đánh bóng hạt, hồ hạt, chia tách ra từng phần, bỏ xương, băm, lột da, nghiền, cán mỏng, đóng hộp kín khí (Khoản 1, Điều 4 NĐ 181);
- Ban hành Danh mục sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế (Phụ lục I, II NĐ 181);
- Bổ sung hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục cần xuất trình khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu để chứng minh đối tượng không chịu thuế GTGT (Điều 3 TT 69).

1.3. Khấu trừ thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ chuyển từ không chịu thuế sang chịu thuế

Đối với hàng hóa, dịch vụ chuyển từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định tại Luật thuế GTGT, cơ sở kinh doanh chỉ được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT phát sinh từ ngày 01/7/2025 (Khoản 12, Điều 23 NĐ 181).



1.4. Hoàn thuế

- Hướng dẫn hoàn thuế đối với cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hoá, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%, nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên sau 12 tháng liên tục hoặc 04 quý liên tục thì được hoàn thuế GTGT. Trường hợp nhiều mức thuế suất thuế GTGT thì phải hạch toán riêng số thuế GTGT đầu vào sử dụng cho sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế 5%, nếu không hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào sử dụng cho sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế của kỳ hoàn thuế (Điều 31 NĐ 181);
- Hướng dẫn cách xác định số thuế GTGT được hoàn đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu đối với trường hợp cơ sở kinh doanh trong tháng, quý vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa, xác định số thuế GTGT hoàn đối với hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% (Phụ lục II, III TT 69).

NĐ 181 và TT 69 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2025.

2. Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025 của Quốc hội

Quốc hội đã Thông qua Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp mới có hiệu lực từ ngày 01/10/2025 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 trở đi. Một số nội dung mới đáng chú ý tại Luật được tóm tắt như dưới đây:

2.1. Mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp hàng hóa và dịch vụ tại Việt Nam thông qua nền tảng thương mại điện tử và nền tảng công nghệ số

Theo điểm d khoản 2 Điều 2, doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số thì phải nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.

Bổ sung nguyên tắc xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam là **thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh** (theo khoản 3 Điều 3).

2.2. Giảm thời gian miễn thuế đối với thu nhập từ bán sản phẩm công nghệ mới

Theo khoản 4 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025: *Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam; thu nhập từ bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian sản xuất thử nghiệm bao gồm cả sản xuất thử nghiệm có kiểm soát theo quy định của pháp luật. Thu nhập tại khoản này được miễn thuế tối đa **không quá 03 năm**.*

Trước đây, các khoản thu nhập trên được miễn thuế tối đa là 05 năm.

2.3. Mở rộng đối tượng miễn thuế

Một số loại thu nhập mới được bổ sung vào đối tượng miễn thuế tại khoản 10 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025, bao gồm:

- Thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu sau khi phát hành;
- Thu nhập từ tiền lãi và từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành.

2.4. Khoản lỗ từ chuyển nhượng bất động sản được bù trừ thu nhập chịu thuế

Theo Điều 7 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025, trường hợp nếu có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì **được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh** có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn (trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế).

Trước đây, nếu thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản nếu lỗ thì số lỗ này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế TNDN của hoạt động sản xuất, kinh doanh còn thu nhập.

Lưu ý: Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế, không được bù trừ lỗ, lãi với hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế.

2.5. Sửa đổi quy định về các khoản chi phí được trừ

So với quy định trước đây, Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 sửa đổi một số quy định về các khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế như sau:

2.5.1. Bổ sung thêm một số khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

- Khoản chi thực tế cho người được biệt phái tham gia quản trị, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Một số khoản chi phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ theo quy định của Chính phủ;
- Một số khoản chi hỗ trợ xây dựng công trình công cộng, đồng thời phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
- Chi phí liên quan đến việc giảm phát thải khí nhà kính nhằm trung hòa các-bon và net zero, giảm ô nhiễm môi trường, đồng thời liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
- Một số khoản đóng góp vào các quỹ được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Chính phủ.

2.5.2. Số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết nhưng không được hoàn thuế được tính vào chi phí được trừ

Phần thuế giá trị gia tăng (GTGT) nộp theo phương pháp khấu trừ không được tính vào chi phí được trừ không bao gồm phần thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đầu vào có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp chưa được khấu trừ hết nhưng không thuộc trường hợp hoàn thuế.

Số thuế GTGT đầu vào khi đã được tính vào chi phí được trừ thì không được khấu trừ với số thuế GTGT đầu ra.

2.6. Các trường hợp được hưởng thuế suất 15% hoặc 17%

Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 quy định các mức thuế suất như sau:

- Tổng doanh thu dưới **03 tỷ đồng/năm**: thuế suất **15%**;
- Tổng doanh thu từ **03 tỷ đến 50 tỷ đồng/năm**: thuế suất **17%**;
- Đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí từ **25% đến 50%**.
- Đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm (bao gồm: bạch kim, vàng, bạc, thiếc, vonfram, antimon, đá quý, đất hiếm và tài nguyên quý hiếm khác theo quy định của pháp luật) là **50%**. Trường hợp các mỏ có từ 70% diện tích được giao trở lên ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuế suất là **40%**.
- Không thuộc các trường hợp trên: thuế suất **20%**.

Trước đây, các doanh nghiệp chủ yếu được áp thuế suất 20% (trừ các hoạt động khai thác dầu khí, tài nguyên hiếm và các trường hợp được ưu đãi thuế suất). Theo quy định mới, rất nhiều doanh nghiệp có doanh thu dưới 50 tỷ được áp dụng mức thuế suất là 15% hoặc 17%.

2.7. Thay đổi ngành nghề được hưởng ưu đãi

Căn cứ Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các ngành nghề được hưởng thuế suất ưu đãi có một số thay đổi như sau:

Bỏ một số ngành, nghề được hưởng ưu đãi:

- Dự án sản xuất có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng;
- Dự án đầu tư tại khu công nghiệp.

- Bổ sung các ngành, nghề ưu đãi đã được quy định cụ thể chính sách ưu đãi thuế TNDN theo quy định hiện hành:

- Dự án thuộc đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư năm 2020;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; Đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.8. Bổ sung Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào địa bàn được ưu đãi thuế

2.9. Điều chỉnh lãi suất đầu tư mới sản xuất lắp ráp ô

Theo khoản 4 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025, các dự án đầu tư mới sản xuất lắp ráp ô tô sẽ được hưởng lãi suất ưu đãi **17% trong 10 năm** (trước đây, dự án đầu tư mới sản xuất lắp ráp ô tô được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm).

2.10. Dự án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được ưu đãi lãi suất 17% trong 10 năm

Khoản 4 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 bổ sung đối tượng được hưởng lãi suất ưu đãi **17% trong 10 năm** là:

- Dự án đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Dự án đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

II. CÔNG VĂN MỚI ĐÁNG LƯU Ý

1. Công văn số 2572/CT-CS ngày 21/07/2025 của Cục Thuế về chính sách lệ phí trước bạ

Phương tiện thủy nội địa của Công ty là **tàu thủy có sức chứa đến 12 người**; thuộc đối tượng được **miễn lệ phí trước bạ** theo quy định tại khoản 27 Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP.

Nghị định số 10/2022/NĐ-CP quy định thu lệ phí trước bạ đối với tài sản (trong đó có tàu thuyền) sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu vào Việt Nam khi đăng ký quyền sở hữu, sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không quy định thu lệ phí trước bạ đối với tài sản chưa làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam mà đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Công văn số 2571/CT-CS ngày 21/07/2025 của Cục Thuế về chính sách lệ phí trước bạ

Kể từ **ngày 01/7/2025**, mức thu lệ phí trước bạ đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là **2%**.

3. Công văn số 2563/CT-CS ngày 18/07/2025 của Cục Thuế về sử dụng biên lai điện tử

Kể từ **ngày 01/7/2025**, mức thu lệ phí trước bạ đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là **2%**.

4. Công văn số 2541/CT-CS ngày 18/07/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế TNDN

Trường hợp Công ty đang được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo điều kiện địa bàn ưu đãi đầu tư, nhận được hàng hóa (công cụ, dụng cụ và nguyên vật liệu, sản phẩm hoàn chỉnh...) từ nhà cung cấp ở nước ngoài mà không phải thanh toán cho nhà cung cấp và giá trị hàng hóa trên xác định là khoản thu nhập khác, **không phải là thu nhập phát sinh từ dự án đầu tư đang được hưởng ưu đãi** theo điều kiện địa bàn ưu đãi đầu tư do vậy **không được hưởng ưu đãi** về thuế TNDN theo quy định.

5. Công văn số 2324/CT-CS ngày 08/07/2025 của Cục Thuế về đề nghị miễn, giảm thuế cho hãng vận tải nước ngoài theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

Đối với việc trả kết quả giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế của những năm sau khi đã có thông báo theo mẫu 03-1/MGTH, nếu hãng vận tải nước ngoài (VTNN) vẫn tiếp tục hoạt động như cũ, không có bất kỳ sự thay đổi nào thì **không cần phải nộp lại hồ sơ** đề nghị miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế và Cơ quan thuế cũng không ban hành lại thông báo theo mẫu 03-1/MGTH trên. Trường hợp các hãng VTNN có bất kỳ sự thay đổi nào về các thông tin đã đề nghị tại mẫu số 01/HTQT thì phải nộp lại Hồ sơ đề nghị miễn, giảm theo Hiệp định đã sửa đổi kèm theo các tài liệu tương ứng với việc thay đổi đó (ví dụ giấy chứng nhận cư trú, giấy ủy quyền của những năm tiếp theo...). Khi đó, Cơ quan thuế sẽ ra thông báo mới theo mẫu 03-1/MGTH phù hợp với thực tế hoạt động của các hãng VTNN.

6. Công văn số 2376/CT-NVT ngày 10/07/2025 của Cục Thuế về việc sử dụng thông tin địa chỉ của doanh nghiệp sau khi thay đổi địa giới hành chính

Theo hướng dẫn tại công văn số 4370/BTC-DNTN ngày 05/4/2025 của Bộ Tài chính thì doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác **tiếp tục sử dụng** Giấy chứng nhận đã được cấp; Cơ quan đăng ký kinh doanh không được yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác thay đổi thông tin về địa chỉ do thay đổi địa giới hành chính. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác cập nhật thông tin về địa chỉ do thay đổi địa giới hành chính trên Giấy chứng nhận khi có nhu cầu hoặc thực hiện đồng thời khi đăng ký/thông báo thay đổi.

Về phía Cơ quan thuế, để đáp ứng yêu cầu quản lý thuế theo địa bàn hành chính cấp tỉnh, cấp xã, Cục Thuế đã ban hành công văn số 1689/CT-NVT ngày 10/6/2025 về việc rà soát, chuẩn hóa danh bạ người nộp thuế (NNT) theo địa bàn hành chính 2 cấp. Cơ quan thuế sẽ chủ động cập nhật thông tin đăng ký thuế về địa chỉ của NNT trên hệ thống ứng dụng của ngành thuế căn cứ quyết định tổ chức đơn vị hành chính mới của cấp có thẩm quyền, đồng thời thông báo cho NNT biết mà không yêu cầu NNT thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan thuế. Thông tin địa chỉ của NNT theo địa bàn hành chính 2 cấp sẽ được đồng bộ cho tất cả các ứng dụng của ngành thuế, hoặc được nhà cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử tự động cập nhật trên hệ thống hóa đơn điện tử cung cấp cho NNT.

Như vậy, việc triển khai cập nhật địa bàn 2 cấp trên cơ sở dữ liệu của ngành thuế, Cục Thuế có ý kiến về việc ghi thông tin địa chỉ trên hóa đơn như sau:

Địa chỉ của NNT xác định theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh còn hiệu lực và **địa chỉ do cơ quan thuế cập nhật** tương ứng theo địa bàn hành chính 2 cấp **đều có giá trị pháp lý để sử dụng ghi trên hóa đơn**. Do đó:

1. Trường hợp doanh nghiệp (người mua hoặc người bán) thuộc **đối tượng đăng ký liên thông** với đăng ký kinh doanh vẫn tiếp tục sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với địa chỉ cũ (địa chỉ trước khi có thay đổi địa giới hành chính) theo hướng dẫn tại công văn số 4370/BTC-DNTN thì:

- Trường hợp thông tin địa chỉ của doanh nghiệp **đã được cơ quan thuế cập nhật** theo địa bàn hành chính 2 cấp tương ứng và thông tin này **đã được đồng bộ sang hệ thống hóa đơn điện tử** thì thông tin địa chỉ trên hóa đơn là **thông tin địa chỉ đã được cơ quan thuế cập nhật**. NNT sử dụng thông báo của cơ quan thuế để cung cấp thông tin cho cơ quan liên quan hoặc khách hàng trong trường hợp địa chỉ ghi trên hóa đơn là địa chỉ đã được cập nhật theo danh mục địa bàn hành chính mới nhưng thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vẫn là địa chỉ theo danh mục địa bàn hành chính cũ.
- Trường hợp thông tin địa chỉ của doanh nghiệp đã được cơ quan thuế cập nhật theo địa bàn hành chính 2 cấp tương ứng nhưng **chưa đồng bộ sang hệ thống hóa đơn điện tử** thì thông tin địa chỉ trên hóa đơn là **thông tin địa chỉ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**.

2. Trường hợp người mua **không thuộc đối tượng đăng ký liên thông** với đăng ký kinh doanh thì địa chỉ ghi trên hóa đơn là **địa chỉ đã được cơ quan thuế cập nhật** theo địa bàn hành chính 2 cấp trên hệ thống ứng dụng của ngành thuế và thông báo cho NNT.

7. Công văn số 2346/CT-CS ngày 09/07/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế đối với CSGD công lập

7.1. Về thuế TNDN

- Nhà trường và Trung tâm ký hợp đồng liên doanh liên kết có quy định phân chia theo doanh thu nhận được thì doanh thu tính thuế là doanh thu của từng bên được chia theo hợp đồng theo quy định tại điểm n khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC.
- Trường hợp CSGD công lập có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế TNDN mà các đơn vị này **xác định được doanh thu, chi phí và thu nhập** của hoạt động kinh doanh thì **thực hiện kê khai, nộp thuế** theo quy định pháp luật về thuế TNDN. Trường hợp CSGD công lập có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế TNDN mà các đơn vị này **xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập** của hoạt động kinh doanh thì áp dụng **tỷ lệ tính thuế TNDN 2% trên doanh thu** theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

7.2. Về thuế GTGT

7.2.1. Về chính sách thuế GTGT đối với cơ giáo dục công lập

Đề nghị cơ quan thuế căn cứ quy định pháp luật, nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế và hồ sơ thực tế để hướng dẫn thực hiện đúng quy định.

7.2.2. Về việc sử dụng hóa đơn điện tử

Các CSGD thực hiện lập, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính. Từ ngày 01/6/2025 thực hiện theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ và Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025 của Bộ Tài chính.

Trường hợp vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 và Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ.

7.2.3. Về hồ sơ kê khai thuế GTGT

Trường hợp các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo chỉ có 01 hoạt động là dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật về thuế (đối tượng không chịu thuế GTGT) thì **không phải nộp hồ sơ khai thuế GTGT**. Trường hợp các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo vừa có hoạt động dạy học, dạy nghề (đối tượng không chịu thuế GTGT); **vừa cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác ngoài hoạt động dạy học, dạy nghề** nêu trên (đối tượng chịu thuế GTGT) thì phải **nộp hồ sơ khai thuế GTGT**. Trong đó khoản thu từ hoạt động không chịu thuế GTGT được kê khai vào chỉ tiêu doanh thu không chịu thuế trên Tờ khai thuế GTGT.

8. Công văn số 2028/CT-CS ngày 25/06/2025 của Cục Thuế về hóa đơn

Trường hợp Công ty trong trạng thái không hoạt động tại địa chỉ đăng ký (theo Thông báo của cơ quan thuế) cần có hóa đơn để thực hiện nghĩa vụ thuế và lập hóa đơn GTGT thì cơ quan thuế hướng dẫn Công ty **khôi phục mã số thuế** và thực hiện các nghĩa vụ thuế, hóa đơn theo quy định.

9. Công văn số 1593/CT-CS ngày 05/06/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT

Từ ngày 01/6/2025, tổ chức cá nhân khấu trừ thuế TNCN ngừng sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử theo các quy định trước và chuyển sang áp dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

10. Công văn số 2163/CT-QLTT ngày 30/06/2025 của Cục Thuế về cung cấp thông tin hướng dẫn NNT về việc sử dụng SĐDCN thay thế cho MST

10.1. Trường hợp NNT chưa được cấp mã số thuế (MST) trước ngày 01/7/2025

- Hộ kinh doanh (HKD) thuộc diện đăng ký thuế cùng với đăng ký kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký HKD với Cơ quan Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP và Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT.
- Cá nhân, đại diện hộ gia đình (trừ HKD nêu trên) thực hiện thủ tục đăng ký thuế trước khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc có phát sinh nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 86/2024/TT-BTC.
- NNT phải kê khai chính xác 03 thông tin: Họ và tên, Ngày tháng năm sinh, SĐDCN đảm bảo khớp đúng với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư (CSDLQGDC).
- HKD, hộ gia đình, cá nhân được sử dụng số định danh cá nhân (SĐDCN) thay thế cho MST kể từ ngày được Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký HKD, hoặc được Cơ quan Thuế thông báo kết quả khớp đúng với CSDLQGDC qua địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại đã đăng ký của cá nhân.

10.2. Trường hợp NNT đã được cấp MST trước ngày 01/7/2025:

a) Trường hợp thông tin đăng ký thuế đã khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong CSDLQGDC:

- MST đã được cấp trước ngày 01/7/2025 được Cơ quan Thuế chuyển đổi sang SĐDCN, không phát sinh thủ tục hành chính đối với NNT khi chuyển đổi.
- HKD, hộ gia đình, cá nhân được sử dụng SĐDCN thay cho MST bắt đầu từ ngày 01/7/2025, bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung nghĩa vụ thuế phát sinh theo MST đã cấp trước đó.

- Cơ quan Thuế theo dõi, quản lý toàn bộ dữ liệu của HKD, hộ gia đình, cá nhân, dữ liệu đăng ký giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc bằng SĐDCN.

b) Trường hợp thông tin đăng ký thuế không khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong CSDLQGDC:

- Cơ quan Thuế cập nhật trạng thái MST sang trạng thái 10 “MST chờ cập nhật thông tin SĐDCN”.
- HKD, hộ gia đình, cá nhân phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 25 Thông tư số 86/2024/TT-BTC để đảm bảo thông tin khớp đúng với CSDLQGDC.
- HKD, hộ gia đình, cá nhân được sử dụng SĐDCN thay cho MST kể từ ngày được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký HKD thay đổi, hoặc được Cơ quan Thuế thông báo kết quả khớp đúng với CSDLQGDC qua địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại đã đăng ký của cá nhân, bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung nghĩa vụ thuế phát sinh theo MST đã cấp trước đó.
- Cơ quan Thuế theo dõi, quản lý toàn bộ dữ liệu của HKD, hộ gia đình, cá nhân, dữ liệu đăng ký giảm trừ gia cảnh của người phụ thuộc bằng SĐDCN.

c) Trường hợp cá nhân đã được cấp nhiều hơn 01 (một) MST:

- Cá nhân phải cập nhật thông tin SĐDCN cho các MST đã được cấp để Cơ quan Thuế tích hợp các MST vào SĐDCN, hợp nhất dữ liệu thuế của NNT theo SĐDCN.
- MST đã được cấp trước đây có thông tin đăng ký thuế khớp đúng với CSDLQGDC được Cơ quan Thuế chuyển đổi sang SĐDCN, không phát sinh thủ tục hành chính đối với NNT.
- NNT được tra cứu các MST đã được cấp trước đây và nghĩa vụ thuế theo từng MST đã được cấp khi đăng nhập sử dụng dịch vụ thuế điện tử thông qua tài khoản định danh điện tử (VNEID) mức độ 2.

- Khi MST đã được tích hợp vào SĐDCN thì các hóa đơn, chứng từ, hồ sơ thuế, giấy tờ có giá trị pháp lý khác đã lập có sử dụng thông tin MST của cá nhân tiếp tục được sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính về thuế, chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ thuế mà không phải điều chỉnh thông tin MST trên hóa đơn, chứng từ, hồ sơ thuế sang SĐDCN.

d) Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh:

- Cơ quan Thuế không cấp MST riêng cho các địa điểm kinh doanh của HKD, cá nhân kinh doanh từ ngày 01/7/2025. HKD, cá nhân kinh doanh sử dụng duy nhất SĐDCN của người đại diện HKD, cá nhân kinh doanh làm MST để kê khai, nộp thuế với Cơ quan Thuế nơi có hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật quản lý thuế.
- MST đã được cấp cho địa điểm kinh doanh trước đây được Cơ quan Thuế chuyển đổi sang SĐDCN, không phát sinh thủ tục hành chính đối với NNT khi chuyển đổi.
- NNT được tra cứu nghĩa vụ thuế theo từng MST của địa điểm kinh doanh đã được cấp trước đây khi đăng nhập sử dụng dịch vụ thuế điện tử thông qua tài khoản định danh điện tử (VNEID) mức độ 2.

Lưu ý: NNT kiểm tra thông tin đăng ký thuế đã khớp đúng hoặc không khớp đúng với CSDLQGDC theo một trong cách sau:

- Tra cứu trên Trang TTĐT Cục Thuế tại địa chỉ: <https://www.gdt.gov.vn>.
- Tra cứu trên Trang Thuế điện tử của Cục Thuế tại địa chỉ: thuedientu.gdt.gov.vn.
- Tra cứu trên tài khoản giao dịch thuế điện tử của cá nhân tại ứng dụng icanhon hoặc eTaxMobile (nếu cá nhân đã được cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử với Cơ quan Thuế).
- Liên hệ với Cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc Cơ quan Thuế nơi cá nhân cư trú để được hỗ trợ.

10.3. Cách ghi SĐDCN trong hồ sơ thuế:

Sau khi được sử dụng SĐDCN thay cho MST, NNT ghi SĐDCN vào chỉ tiêu “MST” trên tờ khai, chứng từ nộp thuế, hóa đơn, hồ sơ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, các hồ sơ, chứng từ, tài liệu khác có yêu cầu kê khai MST.

11. Công văn số 2200/CT-CS ngày 02/07/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế nhà thầu

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ và có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở Hợp đồng ký với các doanh nghiệp tại Việt Nam (trừ trường hợp gia công và xuất trả hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) hoặc thực hiện phân phối hàng hóa tại Việt Nam hoặc cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms mà người bán chịu rủi ro liên quan đến hàng hóa vào đến lãnh thổ Việt Nam thì thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ sử dụng kho ngoại quan, cảng nội địa (ICD) làm kho hàng hóa để phụ trợ cho hoạt động vận tải quốc tế, quá cảnh, chuyển khẩu, lưu trữ hàng hoặc để cho doanh nghiệp khác gia công thì tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc đối tượng áp dụng Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Ngày 14/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Thuế TNDN có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025 và áp dụng cho kỳ tính thuế TNDN năm 2025. Khi Luật thuế TNDN (sửa đổi) ban hành, kiến nghị của các Tập đoàn doanh nghiệp Mỹ được tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản dưới Luật hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền.

Liên hệ

Bản tin này được ECOVIS AFA VIETNAM cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo, không được xem như ý kiến tư vấn pháp luật cụ thể. Mặc dù đã cố gắng cung cấp thông tin một cách chính xác và cụ thể nhất, việc áp dụng các thông tin này vào các trường hợp cụ thể có thể không hoàn toàn phù hợp. Để biết thêm thông tin hoặc cần chúng tôi hỗ trợ, vui lòng liên hệ với các chuyên gia của chúng tôi.



Nguyễn Hải Nam

Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc

0916 020 113

nam.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Trọng Hiếu

Cố vấn chiến lược

0914 015 678

hieu.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc

0917 705 379

dung.nguyen@ecovis.com.vn



Phạm Quang Trung

Phó Chủ tịch HĐQT

0935 58 3456

trung.pham@ecovis.com.vn



Lê Huy Đông

Giám đốc Tư vấn - Đào tạo

0944 322 988

dong.le@ecovis.com.vn



Nguyễn Thị Hiền Giang

Phó phòng Tư vấn – Đào tạo

0933 224 968

giang.nguyen@ecovis.com.vn

